

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG KIẾN TRÚC & NỘI THẤT GROUP GIA PHẤT

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG KIẾN TRÚC & NỘI THẤT GROUP GIA PHẤT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GIA PHAT GROUP INTERIOR & ARCHITECTURE CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GIA PHAT IACG .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108029597

3. Ngày thành lập: 20/10/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

P306, Tầng 3 TTTM, Tòa 48B Keang Nam, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.32.232.888 - 0988.313.686 Fax:

Email: Groupgiaphat@gmail.com Website: giaphatgroup.com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động hậu kỳ	5912
2.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
3.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Trang trí nội thất	7410
4.	Xây dựng nhà các loại	4100
5.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
6.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
7.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
8.	Cổng thông tin	6312
9.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
10.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
11.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
12.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
13.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
14.	Bốc xếp hàng hóa	5224
15.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
16.	Bán buôn tổng hợp	4690
17.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
18.	Trồng lúa	0111
19.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390

20.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
21.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
22.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
23.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
24.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh loại nhà nước cho phép	8299
25.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
26.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
27.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
28.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
29.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
30.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
31.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
32.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330(Chính)
33.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
34.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
35.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
36.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
37.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	5920
38.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
39.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
40.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
41.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
42.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
43.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
44.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
45.	Cho thuê xe có động cơ	7710
46.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
47.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
48.	Quảng cáo	7310
49.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
50.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
51.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
52.	Trồng cây ăn quả	0121

53.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
54.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
55.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
56.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
57.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
58.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
59.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
60.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
61.	Hoạt động thú y	7500
62.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
63.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
64.	Lập trình máy vi tính	6201
65.	Xây dựng công trình công ích	4220
66.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
67.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
68.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
69.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
70.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
71.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
72.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
73.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
74.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
75.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
76.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
77.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
78.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
79.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
80.	Phá dỡ	4311
81.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
82.	In ấn	1811
83.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
84.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
85.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
86.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
87.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
88.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552

89.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
-----	---	------

6. Vốn điều lệ: 1.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 180.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ ĐỨC HÀ	Thôn Thống Nhất, Xã Hòa Bình, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	18.000	180.000.000	10,000	151419795	
			Tổng số	18.000	180.000.000	10,000		
2	LÊ QUANG KHẮC	Thôn Thống Nhất, Xã Hòa Bình, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	108.000	1.080.000.000	60,000	034081001989	
			Tổng số	108.000	1.080.000.000	60,000		
3	NGUYỄN VĂN DUY	Thôn Đa Chát, Xã Đại Xuyên, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	54.000	540.000.000	30,000	111849379	
			Tổng số	54.000	540.000.000	30,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ QUANG KHẮC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/04/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 034081001989

Ngày cấp: 29/05/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Thống Nhất, Xã Hòa Bình, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P12A24-HH2C1 - Khu đô thị Thanh Hà Cenco5, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội